

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 459/2019/DSST

Ngày: 29/11/2019

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn E Kiêu;

Ông Nguyễn Văn Vẹn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ủy Ban nhân dân huyện A tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Mỹ - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A;

Địa chỉ: 191 Ô 2, khu 1, Thị trấn A, huyện A, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn Phong, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Tân Thạnh, xã Bình Phan, huyện A, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Thị Tuyết B, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện A, Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trung Tâm phát triển quỹ đất huyện A.

(Nay hợp nhất là Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện A)

Địa chỉ: Ô 4, khu 1, Thị trấn A, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn C(xin vắng);

Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A; – nay là Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện A;

3.2. Ông Lê Tấn Được, sinh năm 1953 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

3.2.1. Đỗ Hồng E, sinh năm 1951 (xin vắng);

3.2.1. Lê Thị Hồng F, sinh năm 1979 (xin vắng);

3.2.1. Lê Trung G, sinh năm 1982 (xin vắng);

3.2.1. Lê Thị Hồng L, sinh năm 1986 (xin vắng);

Cùng địa chỉ: ấp An M, xã Định An, huyện X, tỉnh Kiên Giang.

3.2.1. Lê Thị Hồng Yến, sinh năm 1977 (xin vắng);

Địa chỉ: ấp Phước Trung I, thị trấn X, huyện X, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Văn Ctrình bày:*

Bà Lê Thị Tuyết B có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 644, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.798m² do UBND huyện A cấp ngày 14/7/1997;

Ông Lê Tấn Được có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 643, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.696 m² do UBND huyện A cấp ngày 14/7/1997;

Hai thửa đất này đều có mặt tiền giáp với Quốc lộ 50 và liền kề nhau nên khi bà Lê Thị Tuyết B chỉ ranh đo đạc trùm lên thửa đất ông Lê Tấn Được, mặt khác trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị Tuyết B và ông Lê Tấn Được không có thể hiện kích thước, vị trí cụ thể. Từ cơ sở trên khi thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 50, Phòng tài nguyên và môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện A ban hành quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 16/10/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A về việc thu hồi 147,2m² đất của bà Lê Thị Tuyết B để thực hiện dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 và Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A về việc bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 (đoạn qua huyện A) cho bà Lê Thị Tuyết B; Địa chỉ: ấp Bình Long, xã Song Bình, huyện A, tỉnh Tiền Giang với tổng số tiền là 178.696.500 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

Do vậy ngày 16/12/2008 Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện A căn cứ vào 02 Quyết định nêu trên tiến hành làm thủ tục chi trả số tiền 178.696.500 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm đồng) cho bà Lê Thị Tuyết B. Sau đó, ông Lê Tấn Được đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân huyện A chỉ đạo các ngành chức năng của huyện kiểm tra lại toàn bộ hồ sơ đo đạc, kiểm kê, áp giá bồi thường cho bà Lê Thị Tuyết B thì phát hiện trong quá trình đo đạc xác định ranh giới không đúng nên đo trùng lấp với diện tích đất của ông Lê Tấn Được dẫn đến sai diện tích đất. Do đó, Ủy ban nhân dân

huyện A đã ra Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 điều chỉnh một phần Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 16/10/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 đối với bà Lê Thị Tuyết B và Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 01/10/2011 điều chỉnh một phần Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A về việc bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án Nâng cấp Quốc lộ 50 (đoạn qua huyện A) cho bà Lê Thị Tuyết B số tiền 72.704.400 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm đồng) và bồi thường cho hộ ông Lê Tấn D với diện tích đất là 89,9m² tại Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 07/11/2011 với số tiền là 105.992.100 đồng (Một trăm lẻ năm triệu chín trăm chín mươi hai ngàn một trăm đồng). Bà Lê Thị Tuyết B không đồng ý nên phát sinh khiếu nại, quá trình giải quyết khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 16/01/2013 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Tuyết B.

Ngày 18/4/2013 Ủy ban nhân dân huyện A ban hành Quyết định số 521/QĐ-UBND về việc thu hồi số tiền đã chi cho bà Lê Thị Tuyết B. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện A kiện đòi lại tài sản đối với bà Lê Thị Tuyết B đến Ủy ban nhân dân xã Song Bình, nơi đây có tổ chức hòa giải, bà Lê Thị Tuyết B thừa nhận là có nhận số tiền trên nhưng bà không chịu trả lại.

Căn cứ Bản án số 245/2016/DSPT ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật. Bản án đã xác định toàn bộ diện tích đất 147,2m² mà UBND huyện A thu hồi thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Tấn D nên đề nghị bà B phải có nghĩa vụ trả lại số tiền chi trả đền bù nhằm lẫn cho UBND huyện; Ngày 31/5/2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã Song Bình có buổi trao đổi với bà Lê Thị Tuyết B về Bản án số 245/2016/DSPT ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị Tuyết B không chấp nhận và đã làm đơn kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét giải quyết.

Căn cứ theo Thông báo số: 1148/TB-TA ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Nay Ủy ban nhân dân huyện A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị Tuyết B trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện A số tiền 178.696.500 đồng trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật để Ủy ban nhân dân huyện A chi trả lại cho ông Lê Tấn Được.

* Bị đơn bà Lê Thị Tuyết B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định pháp luật. Nhưng bà B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân huyện A đối với bà B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Lê Tấn Dkhông có yêu cầu gì đến Tòa án, kính xin Ủy ban nhân dân huyện A xem xét cho các ông bà lãnh tiền bồi thường cho phần đất đã bị giải tỏa thu hồi theo bản án phúc thẩm số 245/2016/DSPT ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa các đương sự có thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của UBND huyện A là có căn cứ. Bởi lẽ, căn cứ vào bản án số 245/2016/DSPT ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật. Bản án đã xác định toàn bộ diện tích đất 147,2m² mà UBND huyện A thu hồi thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Tấn Dnên đề nghị bà B phải có nghĩa vụ trả lại cho UBND huyện số tiền chi trả đền bù không đúng đối tượng là 178.696.500 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện A, đại diện theo pháp luật của Trung tâm phát triển quỹ đất có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lê Tấn Dcó đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Tuyết B đã được triệu tập họp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan trong vụ án;

[2] Quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa UBND huyện A với bà B là tranh chấp đòi tài sản theo quy định Điều 166 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ủy ban nhân dân huyện A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Lê Thị Tuyết B trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện A số tiền 178.696.500 đồng vì đây là số tiền mà Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 50, Phòng tài nguyên và môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân huyện A ban hành quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 16/10/2008

của Ủy ban nhân dân huyện A về việc thu hồi 147,2m² đất của bà Lê Thị Tuyết B để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 50 và Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A về việc bồi thường thiệt hại về đất bị thu hồi và tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ 50 (đoạn qua huyện A) cho bà Lê Thị Tuyết B với tổng số tiền là 178.696.500 đồng, nhưng thực tế đất thu hồi không phải của bà B mà của ông Lê Tấn Được, do đó nay Ủy ban nhân dân huyện A khởi kiện bà B để đòi lại số tiền đền bù trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của UBND huyện A là phù hợp.

Bởi lẽ sau;

- Căn cứ bảng tổng hợp chi trả đền bù công trình nâng cấp mở rộng Quốc lộ 50 theo quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 10/10/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A và phiếu chi số tiền 178.698.500 đồng tiền bồi thường dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 50 cho bà Lê Thị Tuyết B thể hiện bà Lê Thị Tuyết B có nhận số tiền đền bù từ Ủy ban nhân dân huyện A;

- Căn cứ Bản án số 245/2016/DSPT ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật. Bản án đã xác định toàn bộ diện tích đất 147,2m² mà UBND huyện A thu hồi của bà Lê Thị Tuyết B theo quyết định số 3417/QĐUBND ngày 31/10/2008 của Ủy ban nhân dân huyện A thuộc quyền sử dụng đất của ông Lê Tấn Được, nên việc Ủy ban nhân dân huyện A đã bồi thường cho bà B trước đây là bị nhầm lẫn, không có căn cứ, do đó nay Ủy ban nhân dân huyện A đòi lại số tiền nêu trên là có căn cứ, phù hợp.

[4] Xét đề nghị hướng giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 105, Điều 115, Điều 166 Bộ luật dân sự ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ủy ban nhân dân huyện A;

Buộc bà Lê Thị Tuyết B có nghĩa vụ trả cho Ủy ban nhân dân huyện A số tiền 178.696.500 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết B phải chịu 8.935.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Nông sở;
- Lầu hoà sở.

NGUYỄN THỊ MỸ LIL